

Số: 02 /2016/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 về bảo vệ dân phố; số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Thực hiện Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, Kỳ họp thứ 15 quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 1698/SNV-XDCQ&CTTN ngày 31/12/2015 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 2180/BC-STP ngày 31/12/2015 của Sở Tư pháp),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ như sau:

1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm: Cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác (nếu kiêm nhiệm để giảm được 01 người hoạt động không chuyên trách) được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

a) Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách được hưởng bằng 20% mức phụ cấp của chức danh được kiêm nhiệm.

b) Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

c) Thời gian hưởng phụ cấp kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm.

Điều 2. Quy định số lượng, mức khoán theo từng nhóm nhiệm vụ đối với những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố như sau:

Thực hiện theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Nguồn kinh phí chi trả:

Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế) và phụ cấp của những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố được ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mức khoán quỹ phụ cấp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP; phần còn lại do ngân sách địa phương đảm bảo: Ngân sách tỉnh 60%, ngân sách huyện 30%, ngân sách xã 10%. Nguồn kinh phí địa phương chi trả là nguồn tăng thu của các cấp ngân sách trong quá trình thực hiện sau khi sử dụng 50% để chi tiền lương theo quy định của Chính phủ và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

2. Chế độ, chính sách của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3. Quyết định này thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: Số 23/2008/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 về định mức phụ cấp hàng tháng cho lực lượng bảo vệ dân phố tại thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh; số 29/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 về điều chỉnh mức phụ cấp đối với Trường ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

Bãi bỏ Khoản 2, 3, 4 Điều 1, Điều 2 và Khoản 2, 3 Điều 3 Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Các văn bản của UBND tỉnh trước đây quy định về mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức thù lao đối với những người thực hiện nhiệm vụ thuộc nhiệm vụ của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành:

1. Sở Nội vụ chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo đúng quy định tại Quyết định này.

2. Sở Tài chính tham mưu cân đối nguồn kinh phí để triển khai thực hiện; hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn thực hiện chi trả chế độ chính sách cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo đúng quy định.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ tính chất, khối lượng thực hiện các nhiệm vụ ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố để quyết định việc bố trí số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và số lượng, mức khoán của mỗi nhiệm vụ trong 08 nhóm nhiệm vụ của những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố trong số các chức danh, nhóm nhiệm vụ theo quy định và chức danh, nhiệm vụ khác theo đặc thù của địa phương (nếu có) nhưng tổng số không vượt quá số lượng người và số kinh phí khoán quy định cho một đơn vị cấp xã, một thôn, tổ dân phố; phải đảm bảo nhiệm vụ nào cũng có người thực hiện, không chổng chéo, bỏ sót nhiệm vụ, khuyến khích bố trí kiêm nhiệm; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn thực hiện đúng quy định.

4. UBND các xã, phường, thị trấn; UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện chi trả phụ cấp hàng tháng, kinh phí thực hiện chế độ bảo hiểm y tế cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định; chi trả chế độ hàng tháng cho những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố theo mức khoán quy định; thực hiện quyết toán kinh phí khoán theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố, thị xã thực hiện kiểm soát chi theo quy định, bảo đảm kinh phí chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, kinh phí chi trả chế độ cho những người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố không vượt quá tổng số kinh phí khoán đã được cấp có thẩm quyền giao.

6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Webservice Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, TH, NC₁;
- Gửi:
- + Bản giấy: TP không nhận bản điện tử;
- + Điện tử: TP còn lại.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI
HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 15 / 01 /2016
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Phụ lục 1

TT	Chức danh	Theo loại xã, phường, thị trấn	Quy định số lượng người theo từng loại xã, phường, thị trấn	Mức phụ cấp bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế (hệ số/người/tháng)
A	1	2	3	4
1	<p>- Khối công tác Đảng gồm: Văn phòng Tổ chức - Kiểm tra; Tuyên giáo - Dân vận.</p> <p>- Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, Hội gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Phó các đoàn thể: Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh; Trưởng ban đại diện Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.</p>	Xã, phường, thị trấn loại 1	<p>Bố trí không quá 17 người, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối công tác Đảng không quá 02 người (không tính công chức xã làm nhiệm vụ Văn phòng Đảng ủy); - Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, Hội không quá 06 người; - Khối công tác chính quyền: không quá 09 người 	1.3
2	<p>- Khối công tác chính quyền:</p> <p>+ Đối với các phường gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự, Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố; lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Dân số kế hoạch hóa gia đình; phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của từng địa phương (nếu có).</p>	Xã, phường, thị trấn loại 2	<p>Bố trí không quá 15 người, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối công tác Đảng không quá 02 người (không tính công chức xã làm nhiệm vụ Văn phòng Đảng ủy); - Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, Hội không quá 05 người; - Khối công tác chính quyền: không quá 08 người 	1.3
3	<p>+ Đối với các xã, thị trấn gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự, Phó Trưởng Công an; Công an viên thường trực; lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, khuyến nông; chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật; Dân số kế hoạch hóa gia đình; phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của từng địa phương (nếu có).</p>	Xã, phường, thị trấn loại 3	<p>Bố trí không quá 14 người, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối công tác Đảng không quá 02 người (không tính công chức xã làm nhiệm vụ Văn phòng Đảng ủy); - Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, Hội không quá 05 người; - Khối công tác chính quyền: không quá 07 người 	1.3



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI
HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỎ DÂN PHỐ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **02** /2016/QĐ-UBND ngày **15** / **01** /2016
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Phụ lục 2

TT	Chức danh	Quy định số lượng người theo từng thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế (hệ số/người/tháng)			Ghi chú
			Thôn, tổ dân phố loại 1	Thôn, tổ dân phố loại 2	Thôn, tổ dân phố loại 3	
<i>A</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban công tác Mặt trận hoặc Thôn (tổ) trưởng kiêm Trưởng ban công tác Mặt trận	Không quá 03 người	1.30	1.20	1.10	
2	Bí thư chi bộ hoặc Thôn (tổ) trưởng		1.20	1.10	1.00	
3	Công an viên kiêm thôn (tổ) phó (bổ trí ở địa bàn xã, thị trấn); Tổ đội trưởng kiêm tổ phó tổ dân phố (bổ trí ở địa bàn phường).		1.10	1.00	0.90	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

SỐ LƯỢNG, NHÓM NHIỆM VỤ, MỨC KHOẢN ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÁC Ở THÔN, TÒ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 15 / 01 /2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Phụ lục 3

TT	Nhóm nhiệm vụ	Quy định số lượng người/ thôn, tổ dân phố	Mức khoán theo từng nhóm nhiệm vụ (hệ số/nhóm nhiệm vụ/tháng)			Ghi chú
			Thôn, tổ dân phố loại 1	Thôn, tổ dân phố loại 2	Thôn, tổ dân phố loại 3	
A	1	2	3	4	5	6
1	Nhóm nhiệm vụ 1: Nhân viên y tế, công tác viên dân số kế hoạch hóa gia đình, phụ trách công tác gia đình	Không quá 08 người	0.60	0.55	0.50	UBND các huyện, TP, TX căn cứ tính chất, khối lượng thực hiện các nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố để quyết định việc bố trí số lượng người; quyết định mức khoán của mỗi nhiệm vụ trong 08 nhóm nhiệm vụ quy định tại Quyết định này nhưng tổng số không vượt quá số lượng người và số kinh phí khoán quy định cho mỗi thôn, tổ dân phố.
2	Nhóm nhiệm vụ 2: Thôn (tổ) đội trưởng hoặc tổ bảo vệ dân phố		0.60	0.55	0.50	
3	Nhóm nhiệm vụ 3: Phó Bí thư chi bộ, chi ủy viên; Trưởng, phó ban công tác Mặt trận		0.50	0.45	0.40	
4	Nhóm nhiệm vụ 4: Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh		0.50	0.45	0.40	
5	Nhóm nhiệm vụ 5: Chi hội Phụ nữ		0.50	0.45	0.40	
6	Nhóm nhiệm vụ 6: Chi hội Cựu chiến binh		0.50	0.45	0.40	
7	Nhóm nhiệm vụ 7: Chi hội Nông dân		0.50	0.45	0.40	
8	Nhóm nhiệm vụ 8: Tổ chức xã hội và các nhiệm vụ khác theo đặc thù địa phương		0.50	0.45	0.40	
Tổng mức khoán cho những người thực hiện nhiệm vụ khác (gồm 08 nhóm nhiệm vụ) ở mỗi thôn, tổ dân phố			4.20	3.80	3.40	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH